



NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số
thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước
từ năm học 2025-2026**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2021 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Xét Tờ trình số.../TTr-UBND ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND-BĐT ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026.

2. Đối tượng áp dụng

a) Học sinh là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và cư trú hợp pháp (tạm trú, thường trú) trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với học sinh đang theo học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú.

Điều 2. Nội dung, định mức, thời điểm, hình thức hỗ trợ; nguồn kinh phí thực hiện

1. Hỗ trợ kinh phí học tập: Hỗ trợ 100.000 đồng/01 học sinh/tháng (ngoài mức hỗ trợ các chính sách của Chính phủ quy định); được hỗ trợ không quá 9 tháng/năm học.

2. Hỗ trợ sách giáo khoa và vở viết

a) Sách giáo khoa: Mỗi học sinh được hỗ trợ 01 (một) bộ sách giáo khoa theo chương trình quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và bộ tài liệu địa phương.

b) Vở viết loại 100 trang/quyển: Học sinh tiểu học được hỗ trợ 20 quyển/học sinh/năm học; học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông được hỗ trợ 24 quyển/học sinh/năm học.

3. Thời điểm hỗ trợ

a) Đối với học sinh đang theo học tại các trường: Hỗ trợ trước ngày khai giảng năm học hằng năm.

b) Đối với học sinh đầu cấp (lớp 1, lớp 6, lớp 10): Thời điểm xét duyệt học sinh đủ điều kiện được hưởng hỗ trợ chính sách vào tháng 9 hằng năm.

Đối với học sinh khi gia đình đã thoát hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vẫn được hưởng đủ 9 tháng/năm học đang học đó.

4. Hình thức hỗ trợ

Việc hỗ trợ sách giáo khoa và vở viết được quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện bằng sách giáo khoa và vở viết hoặc bằng tiền tương ứng theo giá tiền sách giáo khoa và vở viết tại thời điểm xét duyệt.

5. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa ..., kỳ họp thứ, thông qua ngày ...tháng ...năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ...tháng ...năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ GD&ĐT, Bộ TP (Cục KTVB&QLXLVPHC);
- TTTU, TT HĐND, UBND, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh (đăng Công báo tỉnh);
- Lưu: VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VT(kèm TK 372).

CHỦ TỊCH